

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 378/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền;

Bà Nguyễn Huỳnh Huống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 527/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bào Cẩm P, sinh năm 1971 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Thành T, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 7 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Bào Cẩm P trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Do có người mai mối và qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên bà Bào Cẩm P và ông Trần Thành T kết hôn với nhau vào năm 1993, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T đi nhậu về hay kiếm chuyện đánh vợ, không quan tâm chăm sóc vợ con, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 cho

đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, đời sống chung không đạt được hạnh phúc, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên bà Bào Cẩm P xin được ly hôn với ông Trần Thành T.

- Về con chung: Có 02 người con tên Trần Quốc Tr, sinh năm 1994 (nam), Trần Phương D, sinh năm 2000 (nam), hiện các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên khi ly hôn bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản hòa giải ngày 04 tháng 8 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, bị đơn ông Trần Thành T trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông T xác định bà P trình bày trên là đúng, trước khi kết hôn thì giữa ông T và bà P có thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên kết hôn với nhau vào năm 1993, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà P không chịu ngủ chung nhiều lần nên ông T giận và bỏ đi chơi, đi nhậu cùng với bạn bè rồi về vợ chồng xảy ra cự cãi và có lúc đánh nhau, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Ông T thừa nhận mình đã sai với vợ và hứa sẽ khắc phục, sửa sai xin bà P cho cơ hội vì còn tình cảm với bà P nên ông T không đồng ý ly hôn với bà P.

- Về con chung: Có 02 người con tên Trần Quốc Tr, sinh năm 1994 (nam), Trần Phương D, sinh năm 2000 (nam), hiện các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên khi ly hôn ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Trần Thành T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T là có căn cứ.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà Bào Cẩm P và ông Trần Thành T có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên kết hôn với nhau từ năm 1993, hôn nhân tự nguyện, có tổ

chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 02 năm 1993. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà P và ông T được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, bà P xin ly hôn với ông T là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T đi nhậu về hay kiếm chuyện đánh vợ, một tháng có thể đánh từ 4 đến 5 lần, không quan tâm chăm sóc vợ con, hiện vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 tháng nay. Ông T không đồng ý ly hôn với bà P nhưng ông T đã được Tòa án thông báo hòa giải lần thứ hai để hòa giải động viên hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà P với ông T, nhưng ông T vắng mặt, từ đó cho thấy ông T không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà P với ông T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P. Bà P được ly hôn với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Trần Quốc Tr, sinh năm 1994 (nam), Trần Phương D, sinh năm 2000 (nam), hiện các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, khi ly hôn bà P và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà P phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bào Cẩm P. Bà Bào Cẩm P được ly hôn với ông Trần Thành T.

2. Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, bà P phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, bà P có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004017 ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Hải, H.Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo